

Số: /PAS-VTTBYT Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng 7 năm 2026

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các nhà cung cấp vắc xin tại Việt Nam

Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh có nhu cầu mua vắc xin tiêm ngừa dịch vụ, để có cơ sở xây dựng dự toán, Viện kính mời các nhà cung cấp quan tâm báo giá vắc xin tiêm ngừa dịch vụ như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh – Địa chỉ: 167 Pasteur, P. Xuân Hòa, Tp.Hồ Chí Minh

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Họ tên người nhận báo giá: Cao Thị Ngọc Thắm
- Chức vụ: Chuyên viên cung ứng – Phòng Vật tư Thiết bị y tế
- Số điện thoại: 093 654 8286
- Địa chỉ email: thamctn@pasteurhcm.edu.vn

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Vật tư – Thiết bị y tế - Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh

- Hoặc nhận bằng scan báo giá qua email: thamctn@pasteurhcm.edu.vn.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ lúc thông tin đăng tải thành công đến 17 giờ 00 ngày 28 tháng 7 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 28 tháng 7 năm 2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá vắc xin tiêm ngừa dịch vụ

1. Danh mục hàng hóa: *Chi tiết theo Phụ lục I đính kèm*. Các nhà cung cấp gửi kèm theo Hồ sơ pháp lý của vắc xin (Bản scan và bản cứng) gồm:

- Giấy đăng ký lưu hành (hoặc Giấy phép nhập khẩu còn hiệu lực);
- Công bố kết quả đánh giá đáp ứng GMP của cơ sở sản xuất nước ngoài;
- Đối với trường hợp mặt hàng vắc xin chào giá có giấy đăng ký lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu; Giấy phép GMP hết hạn hiệu lực trước thời điểm nộp báo giá, nhà cung cấp phải có văn bản cam kết đảm bảo cung ứng vắc xin theo yêu cầu của Viện và bổ sung thẻ kho (thuốc trong thẻ kho phải được sản xuất (đối với thuốc sản xuất tại Việt Nam) hoặc nhập khẩu (đối với thuốc nước ngoài nhập khẩu vào Việt Nam) trong thời hạn hiệu lực (hoặc thời hạn gia hạn hiệu lực) của giấy đăng ký lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu); trong thời hạn hiệu lực của GMP;
- Tài liệu chứng minh thông tin về nồng độ hàm lượng, đường dùng, dạng bào chế, ...
- Văn bản xác nhận/cam kết về việc cung cấp vắc xin phù hợp với giá thị trường;
- Tối thiểu 01 Hợp đồng/hóa đơn bán hàng tương tự đã hoàn thành từ năm 2025 đến trước thời điểm nộp báo giá;
- Báo cáo tài chính trong vòng 3 năm: năm 2023, 2024, 2025.

2. Địa điểm cung cấp hàng hóa:

Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh – Địa chỉ: 167 Pasteur, P. Xuân Hòa, Tp.Hồ Chí Minh.

3. Thời gian giao hàng dự kiến:

Trong vòng 24 – 48 giờ kể từ khi gửi đơn hàng thành công, hàng hóa được giao từng đợt theo yêu cầu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

Thanh toán trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thanh toán./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Viện trưởng (để báo cáo);
- PVT Đinh Xuân Thành (để p/h chỉ đạo);
- Phòng HCQT (CNTT) (để thực hiện);
- Lưu: VT, VTTBYT.

**TL. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG VTTBYT**

Lê Việt Hà

Phụ lục I
DANH MỤC VẮC XIN

(Kèm theo Yêu cầu báo giá số /PAS-VTTBYT ngày /7/2026 của Phòng Vật tư thiết bị y tế)

TT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Phân nhóm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Vắc xin phòng Viêm gan A	80 U virút viêm gan A bất hoạt chủng GBM/0,5ml	Tiêm bắp	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm; Thuốc tiêm; Thuốc tiêm đông khô	Liều	1.000	1
2	Vắc xin phòng Viêm gan A	<100 mcg kháng nguyên vi rút viêm gan A/0,5ml	Tiêm bắp	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm; Thuốc tiêm; Thuốc tiêm đông khô	Liều	500	4
3	Vắc xin phòng Viêm gan B	10 mcg kháng nguyên bề mặt của vi rút Viêm gan B/0,5 ml	Tiêm bắp	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm; Thuốc tiêm; Thuốc tiêm đông khô	Liều	500	4
4	Vắc xin phòng Viêm gan B	10 mcg kháng nguyên HBsAg/0,5ml	Tiêm bắp	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm; Thuốc tiêm; Thuốc tiêm đông khô	Liều	500	5
5	Vắc xin phòng Viêm gan B	20 mcg kháng nguyên bề mặt của vi rút Viêm gan B/1 ml	Tiêm bắp	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm; Thuốc tiêm; Thuốc tiêm đông khô	Liều	5.000	4
6	Vắc xin phòng Viêm gan B	20 mcg kháng nguyên HBsAg/1ml	Tiêm bắp	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm; Thuốc tiêm;	Liều	5.000	5

TT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Phân nhóm
				Thuốc tiêm đông khô			
7	Viêm gan phòng phối hợp 2 bệnh Viêm gan A và B	720 đơn vị Elisa vi rút viêm gan A bất hoạt/1ml 20 mcg kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B/1ml	Tiêm bắp	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm; Thuốc tiêm; Thuốc tiêm đông khô	Liều	3.000	1
8	Vắc xin phòng Thương hàn	25mcg polysaccharide của Salmonella typhim chủng Ty2/0,5ml	Tiêm bắp hoặc tiêm dưới da	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm; Thuốc tiêm; Thuốc tiêm đông khô	Liều	1.500	1
9	Vắc xin phòng Đại	3,25IU vi rút đại chủng Wistar rabies PM/WI38-1503-3M/0,5ml	Tiêm bắp và tiêm trong da	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm; Thuốc tiêm; Thuốc tiêm đông khô	Liều	10.000	1
10	Vắc xin phòng Đại	$\geq 2,5$ IU vi rút đại chủng Pitman Moore /0,5ml	Tiêm bắp và tiêm trong da	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm; Thuốc tiêm; Thuốc tiêm đông khô	Liều	5.000	5
11	Vắc xin phòng Đại	$\geq 2,5$ IU vi rút đại chủng L.Pasteur 2061/VERO/0,5ml	Tiêm bắp và tiêm trong da	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm; Thuốc tiêm; Thuốc tiêm đông khô	Liều	20.000	5

TT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Phân nhóm
12	Vắc xin phòng cúm mùa	Bơm tiêm nạp sẵn 1 liều 0,5ml vắc xin (dạng mảnh, bất hoạt): A/Victoria/4897/2022 (H1N1) pdm09 - sử dụng chủng tương đương (A/Victoria/4897/2022, IVR238) 15mcg HA; A/Croatia/10136 RV/2023 (H3N2) - sử dụng chủng tương đương (A/Croatia/10136 RV/2023, X425A) 15mcg HA; B/Austria/1359417/2021- sử dụng chủng tương đương (B/Michigan/01/2021, chủng hoang dã) 15mcg HA	Tiêm bắp	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm; Thuốc tiêm; Thuốc tiêm đông khô	Liều	10.000	1
13	Vắc xin phòng cúm mùa	Vắc-xin công nghệ tiểu đơn vị, chỉ lấy kháng nguyên bề mặt, gồm: -15mcg haemagglutinin và neuraminidase type A H1N1/0,5ml, -15mcg haemagglutinin và neuraminidase type A H3N2/0,5ml, -30mcg haemagglutinin và neuraminidase 2 chủng type B/0,5ml, 4 chủng virus cúm được WHO khuyến cáo sử dụng hàng năm	Tiêm bắp	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm; Thuốc tiêm; Thuốc tiêm đông khô	Liều	15.000	1
14	Vắc xin phòng cúm mùa	Kháng nguyên tinh khiết, bất hoạt virus cúm: 15mcg type A H1N1/0,5ml, 15mcg type A H3N2/0,5ml, 30mcg 2 chủng type B/0,5ml, 4 chủng virus cúm được WHO khuyến cáo sử dụng hàng năm	Tiêm bắp	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm; Thuốc tiêm; Thuốc tiêm đông khô	Liều	5.000	2
15	Vắc xin phối hợp phòng 6 bệnh: Bạch hầu - Ho gà - Uốn ván - Bại liệt - Hib và Viêm gan B	Hỗn dịch đóng sẵn trong ống tiêm: - ≥ 20 IU giải độc tố bạch hầu/0,5ml, - ≥ 40 IU giải độc tố uốn ván/0,5ml, - 25mcg giải độc tố ho gà (PT)/0,5ml, 25mcg ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA)/0,5ml, - Virus bại liệt (bất hoạt): 40 đơn vị kháng nguyên D Tuýp 1/0,5ml; 8 đơn vị kháng nguyên D Tuýp 2 /0,5ml; 32 đơn vị kháng nguyên D Tuýp 3/0,5ml, - 10mcg kháng nguyên bề mặt	Tiêm bắp	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm; Thuốc tiêm; Thuốc tiêm đông khô	Liều	500	1

TT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Phân nhóm
		viêm gan B/0,5ml, - 12mcg polysaccharide của H.influenzae tuýp b cộng hợp với 22-36mcg protein uôn ván/0,5ml					
16	Vắc xin phối hợp phòng 6 bệnh: Bạch hầu - Ho gà - Uốn ván - Bại liệt - Hib và Viêm gan B	Bao gồm bột đông khô (Hib) và hỗn dịch (DTPa-HBV-IPV) để pha hỗn dịch tiêm: - ≥30UI biến độc tố bạch hầu/0,5ml, - ≥ 40UI biến độc tố uốn ván/0,5ml, - 25mcg biến độc tố ho gà /0,5ml, 25mcg Filamentous Haemagglutinin/0,5ml, 8mcg Pectactin/0,5ml, - 10 mcg kháng nguyên bề mặt VGB/0,5ml, - Vi rút bại liệt bất hoạt: 40 đơn vị kháng nguyên D Tuýp 1/0,5ml; 8 đơn vị kháng nguyên D Tuýp 2/0,5ml; 32 đơn vị kháng nguyên D Tuýp 3/0,5ml, - 10mcg Polysaccharide H. influenzae type b, cộng hợp với 20-40 mcg biến độc tố uốn ván/0,5ml	Tiêm bắp	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm; Thuốc tiêm; Thuốc tiêm đông khô	Liều	1.000	1
17	Vắc xin phối hợp phòng 4 bệnh: Bạch hầu - Ho gà - Uốn ván - Bại liệt	- ≥30UI biến độc tố bạch hầu/0,5ml, - ≥40UI biến độc tố uốn ván/0,5ml, - Kháng nguyên Bordetella pertussis: 25mcg biến độc tố ho gà/0,5ml; 25mcg ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA)/0,5ml, - Vi rút bại liệt bất hoạt: 40 DU Tuýp 1/0,5ml; 8 DU Tuýp 2/0,5ml, 32 DU Tuýp 3/0,5ml	Tiêm bắp	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm; Thuốc tiêm; Thuốc tiêm đông khô	Liều	1.000	1
18	Vắc xin phối hợp phòng Bạch hầu - Ho gà - Uốn ván	2Lf giải độc tố bạch hầu/0,5ml, 5Lf giải độc tố uốn ván/0,5ml, Thành phần ho gà: 2,5mcg giải độc tố ho gà (PT)/0,5ml, 5mcg ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA)/0,5ml, 3mcg Pertactin (PRN)/0,5ml, 5mcg ngưng kết tố 2+3 (FIM)/0,5ml	Tiêm bắp	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm; Thuốc tiêm; Thuốc tiêm đông khô	Liều	3.000	5
19	Vắc xin phối hợp phòng Bạch hầu - Ho gà - Uốn ván	≥ 2UI (2,5Lf) giải độc tố bạch hầu/0,5ml, ≥ 20UI (5Lf) giải độc tố uốn ván/0,5ml, 8mcg giải độc tố ho gà/0,5ml, 8mcg ngưng kết tố hồng cầu	Tiêm bắp sâu	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm; Thuốc tiêm;	Liều	3.000	1

TT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Phân nhóm
		dạng sợi/0,5ml, 2,5mcg Pertactin/0,5ml		Thuốc tiêm đông khô			
20	Vắc xin phối hợp phòng Bạch hầu - Uốn ván	Giải độc tố uốn ván tinh chế 2 đvqt Giải độc tố bạch hầu tinh chế 2 đvqt Aluminium Phosphat (AlPO ₄) cao nhất 3mg	Tiêm bắp	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm; Thuốc tiêm; Thuốc tiêm đông khô	Liều	2.000	4
21	Vắc xin phòng Não mô cầu	Mỗi liều (0,5 ml) có chứa: - Polysaccharide não mô cầu nhóm A: 10mcg - Polysaccharide não mô cầu nhóm C: 10mcg - Polysaccharide não mô cầu nhóm Y: 10mcg - Polysaccharide não mô cầu nhóm W135: 10mcg - Protein giải độc tố uốn ván: 55mcg* (Protein mang cộng hợp Polysaccharide tất cả các nhóm huyết thanh) *Lượng giải độc tố uốn ván là lượng ước tính và phụ thuộc vào tỷ lệ giữa polysaccharide cộng hợp và protein mang	Tiêm bắp	Thuốc tiêm hoặc Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Liều	1.500	1
22	Vắc xin phòng não mô cầu nhóm A, C, W-135, Y	Sau khi hoàn nguyên, 1 liều (0,5ml) chứa: -Polysaccharide Neisseria meningitidis nhóm A (cộng hợp với protein giải độc tố uốn ván (chất mang)) 5mcg PSA ~ 15mcg TT; -Polysaccharide Neisseria meningitidis nhóm C (cộng hợp với protein giải độc tố uốn ván (chất mang)) 5mcg PSC ~ 15mcg TT; -Polysaccharide Neisseria meningitidis nhóm W-135 (cộng hợp với protein giải độc tố uốn ván (chất mang)) 5mcg PSW ~7,5mcg TT; -Polysaccharide Neisseria meningitidis nhóm Y (cộng hợp với protein giải độc tố uốn ván (chất mang)) 5mcg PSY ~ 6,5mcg TT	Tiêm bắp	Thuốc tiêm hoặc Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm hoặc Thuốc tiêm đông khô	Liều	1.500	1
23	Vắc xin phòng Não mô cầu	Mỗi liều (0,5 ml) có chứa: - Protein tổng hợp (fusion protein) NHBA Neisseria	Tiêm bắp sâu	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng	Liều	1.500	1

TT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Phân nhóm
		meningitidis nhóm B tái tổ hợp: 50mcg. - Protein NadA Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp: 50mcg. - Protein tổng hợp fHbp Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp: 50mcg. - Túi màng ngoài từ Neisseria meningitidis nhóm B chủng NZ98/254 được đo bằng tổng lượng protein có chứa PorA P1.4: 25mcg		cụ tiêm; Thuốc tiêm; Thuốc tiêm đông khô			
24	Vắc xin phòng Thủy đậu	$\geq 10^{3.3}$ PFU chủng Oka vi-rút varicella-zoster sống, giảm độc lực/0,5ml	Tiêm dưới da	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm; Thuốc tiêm; Thuốc tiêm đông khô	Liều	1.500	1
25	Vắc xin phòng Thủy đậu	≥ 1350 PFU chủng Oka vi-rút thủy đậu /0,5ml	Tiêm dưới da	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm; Thuốc tiêm; Thuốc tiêm đông khô	Liều	3.500	1
26	Vắc xin phòng thủy đậu	Mỗi 0,5ml vắc xin sau khi hoàn nguyên chứa vi rút thủy đậu sống giảm độc lực (Chủng: MAV/06, dòng tế bào: MRC-5) ≥ 3.800 PFU	Tiêm dưới da	Thuốc tiêm hoặc Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm hoặc Thuốc tiêm đông khô	Liều	500	2
27	Vắc xin ngừa HPV	30 mcg Protein L1 HPV 6/0,5ml, 40 mcg Protein L1 HPV 11/0,5ml, 60 mcg Protein L1 HPV 16/0,5ml, 40 mcg Protein L1 HPV 18/0,5ml, 20 mcg Protein L1 HPV 31/0,5ml, 20 mcg Protein L1 HPV 33/0,5ml, 20 mcg Protein L1 HPV 45/0,5ml, 20 mcg Protein L1 HPV 52/0,5ml,	Tiêm bắp	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm; Thuốc tiêm; Thuốc tiêm đông khô	Liều	20.000	1

TT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Phân nhóm
		20 mcg Protein L1 HPV 58/0,5ml					
28	Vắc xin phòng Tiêu chảy do Rotavirus	2,2x10 ⁶ đơn vị gây nhiễm biến thể (bò-người) rotavirus G1/2ml, 2,8x10 ⁶ đơn vị gây nhiễm biến thể (bò-người) rotavirus G2/2ml, 2,2x10 ⁶ đơn vị gây nhiễm biến thể (bò-người) rotavirus G3/2ml, 2,0x10 ⁶ đơn vị gây nhiễm biến thể (bò-người) rotavirus G4/2ml, 2,3x10 ⁶ đơn vị gây nhiễm biến thể (bò-người) rotavirus P1A[8]/2ml	Dùng đường uống	Dung dịch; hỗn dịch; nhũ dịch uống	Liều	500	1
29	Vắc xin phòng Tiêu chảy do Rotavirus	≥ 10 ^{6,0} CCID ₅₀ chủng Rotavirus người sống, giảm độc lực RIX 4414/1,5ml	Dùng đường uống	Dung dịch; hỗn dịch; nhũ dịch uống	Liều	500	1
30	Vắc xin polysaccharide phế cầu liên hợp với protein D của Haemophilus influenzae không định tuýp	1 µg/0,5ml: polysaccharide của phế cầu type huyết thanh 1(1,2), 1 µg/0,5ml: polysaccharide của phế cầu type huyết thanh 5(1,2), 1 µg/0,5ml: polysaccharide của phế cầu type huyết thanh 6B(1,2), 1 µg/0,5ml: polysaccharide của phế cầu type huyết thanh 7F(1,2), 1 µg/0,5ml: polysaccharide của phế cầu type huyết thanh 9V(1,2), 1 µg/0,5ml: polysaccharide của phế cầu type huyết thanh 14(1,2) 1 µg/0,5ml: polysaccharide của phế cầu type huyết thanh 23F(1,2) 3 µg/0,5ml: polysaccharide của phế cầu type huyết thanh 4 (1,2), 3 µg/0,5ml: polysaccharide của phế cầu type huyết thanh 18C(1,3), 3 µg/0,5ml: polysaccharide của phế cầu type huyết thanh 19F (1,4) hấp phụ 0,5 milligram/0,5ml Al3+, công hợp với 13 µg/0,5ml protein D (chiết xuất từ H.influenza không định type), 8 µg/0,5ml giải độc tố uốn ván, 5µg/0,5ml giải độc tố bạch hầu	Tiêm bắp	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm; Thuốc tiêm; Thuốc tiêm đông khô	Liều	500	1
31	Vắc xin polysaccharide phế cầu cộng	2,0 µg huyết thanh typ 1* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,0 µg huyết thanh typ 3*	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Liều	500	1

TT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Phân nhóm
	hợp với protein mang CRM197	polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,0 µg huyết thanh typ 4* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,0 µg huyết thanh typ 5* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,0 µg huyết thanh typ 6A* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 4,0 µg huyết thanh typ 6B* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,0 µg huyết thanh typ 7F* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,0 µg huyết thanh typ 9V* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,0 µg huyết thanh typ 14* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,0 µg huyết thanh typ 18C* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,0 µg huyết thanh typ 19A* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,0 µg huyết thanh typ 19F* polysaccharide của phế cầu khuẩn /0,5ml, 2,0 µg huyết thanh typ 22F* polysaccharide của phế cầu khuẩn /0,5ml 2,0 µg huyết thanh typ 23F* polysaccharide của phế cầu khuẩn /0,5ml 2,0 µg huyết thanh typ 33F* polysaccharide của phế cầu khuẩn /0,5ml *Cộng hợp với protein mang CRM197 và hấp phụ trên nhôm phosphat					
32	Vắc xin polysaccharide phế cầu cộng hợp với protein mang CRM197	2,2 µg huyết thanh typ 1*polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,2 µg huyết thanh typ 3* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,2 µg huyết thanh typ 4* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml,	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Liều	8.000	1

TT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Phân nhóm
		2,2 µg huyết thanh typ 5* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,2 µg huyết thanh typ 6A* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 4,4 µg huyết thanh typ 6B* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,2 µg huyết thanh typ 7F* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,2 µg huyết thanh typ 8* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,2 µg huyết thanh typ 9V* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,2 µg huyết thanh typ 10A* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,2 µg huyết thanh typ 11A* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,2 µg huyết thanh typ 12F* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,2 µg huyết thanh typ 14* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,2 µg huyết thanh typ 15B* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,2 µg huyết thanh typ 18C* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,2 µg huyết thanh typ 19A* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,2 µg huyết thanh typ 19F* polysaccharide của phế cầu khuẩn /0,5ml, 2,2 µg huyết thanh typ 22F* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,2 µg huyết thanh typ 23F* polysaccharide của phế cầu khuẩn /0,5ml 2,2 µg huyết thanh typ 33F* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml *Cộng hợp với protein mang CRM197(khoảng 51mcg mỗi					

TT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Phân nhóm
		liều) và hấp phụ trên nhôm phosphat (0,125 mg nhôm mỗi liều)					
33	Huyết thanh kháng dại	1000 IU kháng thể kháng virus dại tinh chế/5ml	Tiêm bắp	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm; Thuốc tiêm; Thuốc tiêm đông khô	Liều	3.000	4
34	Huyết thanh kháng uốn ván	1500 IU globulin kháng độc tố uốn ván/1ml	Tiêm bắp	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm; Thuốc tiêm; Thuốc tiêm đông khô	Liều	2.000	4
35	Vắc xin phòng Uốn ván	≥ 40 IU giải độc tố uốn ván tinh chế/0,5ml	Tiêm bắp	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm; Thuốc tiêm; Thuốc tiêm đông khô	Liều	10.000	4
36	Vắc xin phòng Viêm não Nhật Bản	4,0-5,8 log PFU vi-rút viêm não Nhật Bản chủng SA14-14-2/0,5ml	Tiêm dưới da	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm; Thuốc tiêm; Thuốc tiêm đông khô	Liều	2.000	5
37	Vắc xin phối hợp phòng 3 bệnh: Sởi - Quai bị - Rubella	1000 CCID ₅₀ vi rút sởi chủng Edmonston/ 0,5ml, 12500 CCID ₅₀ vi rút quai bị chủng Jeryl Lynn/0,5ml, 1000 CCID ₅₀ vi rút rubella chủng Wistar RA 27/3/0,5ml	Tiêm dưới da	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm; Thuốc tiêm; Thuốc tiêm đông khô	Liều	10.000	1
38	Vắc xin phối hợp phòng 3 bệnh: Sởi - Quai bị - Rubella	$\geq 10^{3,0}$ CCID ₅₀ virus sởi chủng Schwarz/0,5ml, $\geq 10^{3,7}$ CCID ₅₀ virus quai bị chủng RIT 4385/0,5ml, $\geq 10^{3,0}$ CCID ₅₀ virus rubella chủng Wistar RA 27/3 /0,5ml	Tiêm dưới da	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm; Thuốc tiêm; Thuốc tiêm đông khô	Liều	5.000	1

TT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Phân nhóm
39	Vắc xin phòng bệnh sốt xuất huyết	Mỗi liều vắc xin 0,5ml sau khi hoàn nguyên chứa: Tuýp huyết thanh 1 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực): $\geq 3,3 \log_{10}$ PFU Tuýp huyết thanh 2 virus Dengue (sống, giảm độc lực): $\geq 2,7 \log_{10}$ PFU Tuýp huyết thanh 3 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực): $\geq 4,0 \log_{10}$ PFU Tuýp huyết thanh 4 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực): $\geq 4,5 \log_{10}$ PFU	Tiêm dưới da	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm; Thuốc tiêm; Thuốc tiêm đông khô	Liều	3.000	1
40	Vắc xin phòng bệnh Zona	Mỗi liều 0,5ml sau hoàn nguyên chứa 50 mcg kháng nguyên gE tái tổ hợp của vi rút Varicella Zoster (VZV) được bổ trợ với AS01B	Tiêm bắp	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm; Thuốc tiêm; Thuốc tiêm đông khô	Liều	2.000	1
41	Vắc xin phòng bệnh do virus hợp bào hô hấp (RSV)	Sau khi hoàn nguyên, 1 liều (0,5ml) chứa: - Kháng nguyên F ổn định tiền dung hợp của RSV phân nhóm A: 0,06mg; - Kháng nguyên F ổn định tiền dung hợp của RSV phân nhóm B: 0,06mg	Tiêm bắp	Thuốc tiêm hoặc Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm hoặc Thuốc tiêm đông khô	Liều	1.000	1
42	Vắc xin phòng bệnh do virus hợp bào hô hấp (RSV)	Sau khi hoàn nguyên, 1 liều (0,5ml) chứa: -Kháng nguyên RSVPreF3 được bổ trợ với AS01E: 120mcg RSVPreF3: Glycoprotein F của vi-rút hợp bào hô hấp (RSV) ổn định ở dạng tiền hợp nhất RSVPreF3.	Tiêm bắp	Thuốc tiêm hoặc Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm hoặc Thuốc tiêm đông khô	Liều	1.000	1
43	Vắc xin ngừa bệnh tay chân miệng	Virus Enterovirus A71 (EV71) toàn phần bất hoạt 2,5mcg/0,5ml	Tiêm bắp	Thuốc tiêm hoặc Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm hoặc Thuốc tiêm đông khô	Liều	5.000	Xác định phân nhóm sau khi bổ sung đủ thông tin
44	Vắc xin phòng sởi, quai bị,	Liều 0,5ml chứa: -Vi-rút sởi $\geq 3,00 \log$ TCID ₅₀ ;	Tiêm bắp	Bột đông khô và	Liều	2.000	1

TT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Phân nhóm
	rubella, thủy đậu	-Vi-rút quai bị $\geq 4,30$ log TCID ₅₀ ; -Vi-rút Rubella $\geq 3,00$ log TCID ₅₀ ; -Vi-rút thủy đậu $\geq 3,99$ log PFU	hoặc tiêm dưới da	dung môi pha tiêm			

Phụ lục II
MẪU BÁO GIÁ (ĐỀ NHÀ CUNG CẤP THAM KHẢO)
(Kèm theo Yêu cầu báo giá số /PAS-VTTBYT ngày /7/2026 của Phòng Vật tư – thiết bị y tế)

BÁO GIÁ

Kính gửi: Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh, mã số thuế] báo giá cho các vắc xin như sau:

1. Báo giá cho các thuốc:

TT	Tên hoạt chất theo yêu cầu của Viện	Tên thương mại của Vắc xin	Nồng độ hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Quy cách	Phân nhóm	Tuổi thọ	Số đăng ký lưu hành	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ, có VAT)	Thành tiền

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng... năm...[ghi ngày....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I – Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....
Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))